

Số:136/2022/QĐST-DS

Ninh Kiều, ngày 04 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 366/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1/ Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1955;

2/ Bà **Hồ Thị Mai X** sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Số 234A1 đường T, phường H, quận N, thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L

Địa chỉ: Số 132/130 đường H, phường T, quận N, thành phố C.

- *Bị đơn*: 1/ Ông **Phan Văn B**, sinh năm 1948;

2/ Bà **Lương Thị M**, sinh năm 1949;

Cùng địa chỉ: Số 24/15 đường V, phường T, quận N, thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Trường S

Địa chỉ: Số 58C đường H, phường T, quận N, thành phố C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu **Phan Thùy A**, sinh ngày 04/01/2012;

Người giám hộ cho cháu Phan Thùy A: Ông Lê Văn L và bà Hồ Thị Mai X.

Địa chỉ: Số 234A1 đường T, phường H, quận N, thành phố C.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Di sản của bà Lê Thị Hồng H và ông Phan Thành T gồm:

- Nhà và đất tại số 54A đường Đ, phường T, quận N, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 582638; Sổ vào sổ cấp GCN CH 01280; Thuộc thửa đất số 263; Tờ bản đồ số 06; Diện tích 58,09m² do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 17/11/2015. Các bên đã thống nhất với giá trị là 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*);

- Nhà và đất tại số 24/15 đường V, phường T, quận N, thành phố C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 279584, sổ vào sổ cấp GCN CH00451; Thuộc thửa đất số 147; Tờ bản đồ số 09; Diện tích 33,7m² do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 19/9/2012. Các bên đã thống nhất với giá trị là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*);

- Tổng giá trị di sản là 2.500.000.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*).

2.2. Những người được thừa hưởng di sản thừa kế theo pháp luật gồm:

1/ Cháu Phan Thùy A (Nữ), sinh ngày 04/01/2012;

2/ Ông Lê Văn L;

3/ Bà Hồ Thị Mai X;

4/ Ông Phan Văn B;

5/ Bà Lương Thị M.

2.3. Phân chia di sản nêu trên theo kỹ phân thừa kế:

- Bà Hạnh chết hàng thừa kế thứ nhất được thừa hưởng di sản gồm:

+ Ông Lê Văn L được nhận $\frac{1}{8}$ (*Một phần tám*);

+ Bà Hồ Thị Mai X được nhận $\frac{1}{8}$ (*Một phần tám*);

+ Cháu Phan Thùy A được nhận $\frac{1}{8}$ (*Một phần tám*);

+ Ông T được nhận $\frac{5}{8}$ (*Năm phần tám*), trong đó $\frac{1}{8}$ (*Một phần tám*) thừa hưởng từ bà H, $\frac{4}{8}$ (*Bốn phần tám*) còn lại là phần của ông T từ khối tài sản chung của vợ chồng;

- Khi ông T chết (Chết sau bà H) hàng thừa kế thứ nhất được thừa hưởng di sản gồm:

+ Ông Phan Văn B được $\frac{1}{3}$ (*Một phần ba*) của $\frac{5}{8}$ (*Năm phần tám*) di sản;

+ Bà Lương Thị M được $\frac{1}{3}$ (*Một phần ba*) của $\frac{5}{8}$ (*Năm phần tám*) di sản;

Cháu Phan Thùy A được $\frac{1}{3}$ (*Một phần ba*) của $\frac{5}{8}$ (*Năm phần tám*) di sản;

2.3.1. Do đó, đối với cháu Phan Thùy A:

+ Được nhận thừa kế theo kỹ phân, cụ thể là $\frac{1}{8}$ (*Một phần tám*) từ di sản của bà Hạnh để lại và $\frac{1}{3}$ (*Một phần ba*) di sản ông T để lại;

+ Giá trị quy đổi thành tiền từ di sản thừa kế cho bé Thùy A là 833.333.333 đồng (*Tám trăm ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*);

2.3.2. Đối với ông Lê Văn L:

+ Được nhận $\frac{1}{8}$ (*Một phần tám*) di sản từ bà H để lại;

+ Giá trị được quy đổi thành tiền từ di sản của bà Hạnh để lại cho ông L là 312.500.000 đồng (*Ba trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*);

2.3.3. Đối với bà Hồ Thị Mai X:

+ Được nhận $\frac{1}{8}$ (*Một phần tám*) di sản từ bà H để lại;

+ Giá trị được quy đổi thành tiền từ di sản của bà H để lại cho bà X là 312.500.000 đồng (*Ba trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*);

2.3.4. Đối với ông Phan Văn B:

+ Được nhận 1/3 (*Một phần ba*) di sản của ông T để lại;

+ Giá trị được quy đổi thành tiền từ di sản của ông T để lại cho ông B là 520.833.333 đồng (*Năm trăm hai mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*);

2.3.5. Đối với bà Lương Thị M:

+ Được nhận 1/3 (*Một phần ba*) di sản của ông T để lại;

+ Giá trị được quy đổi thành tiền từ di sản của ông T để lại cho bà M là 520.833.333 đồng (*Năm trăm hai mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*);

2.4. Các đương sự thống nhất phân chia giá trị và hiện vật, cụ thể như sau:

- Ông Phan Văn B và bà Lương Thị M thống nhất chỉ nhận 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*); nhận nhà và đất số 24/15 đường V theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 279584, sổ vào sổ cấp GCN CH00451 (*Với giá trị 700.000.000 đồng*), phía nguyên đơn ông L và bà X đồng ý giao cho bị đơn ông B, bà M 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu*). Đã thực hiện xong việc giao nhận tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên;

- Ông Phan Văn B và bà Lương Thị M được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký chỉnh lý biến động, sang tên ông B bà M đối với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 279584, sổ vào sổ cấp GCN CH00451 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 19/9/2012 được Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ninh Kiều chỉnh lý sang tên cho ông Phan Thành T và bà Lê Thị Hồng H vào ngày 11/12/2012;

- Đối với căn nhà và đất tại số 54A đường Đ; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 582638; Sổ vào sổ cấp GCN CH 01280 (*Với giá trị là 1.800.000.000 đồng*). Kỷ phần cháu Thùy A được thừa hưởng theo giá trị là 833.333.333 đồng (*Tám trăm ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*); Ông L, bà X thừa hưởng theo kỷ phần là 625.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng*) và giao 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) cho ông B, bà M (Đã thực hiện xong việc giao nhận tiền). Tuy nhiên, ông L và bà X thống nhất cháu Thùy A được nhận 2/4 (*Hai phần tư*) giá trị nhà và đất, ông L được

nhận 1/4 (*Một phần tư*) giá trị căn nhà và đất. Bà X được nhận 1/4 (*Một phần tư*) giá trị căn nhà và đất. Do cháu Thùy A là người chưa thành niên nên ông L, bà X là người giám hộ cho cháu Thùy A;

- Ông Lê Văn L, bà Hồ Thị Mai X được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục chỉnh lý biến động, sang tên đổi với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 582638; Sổ vào sổ cấp GCN CH 01280 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 17/11/2015 cho ông Phan Thành và bà Lê Thị Hồng H. Do cháu Phan Thùy A là người chưa thành niên nên ông L, bà X là người giám hộ cho cháu Phan Thùy A;

- Ông Lê Văn L và bà Hồ Thị Mai X là người giám hộ cho cháu Phan Thùy A. Người giám sát việc giám hộ là ông Phan Văn B và bà Lương Thị M.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn L, bà Hồ Thị Mai X thuộc trường hợp người cao tuổi, cháu Phan Thùy A là người chưa thành niên nên thuộc trường hợp được miễn án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:*

- Đương sự;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Sử